

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 28

Địa Thứ 13: Địa Thanh Văn
Phần 8: Xứ Du Già Thứ 2: Đoạn 3

Thế nào là học?

Nghĩa là ba thứ học thù thắng. Đó là:

1. Giới học tăng thượng.
2. Tâm học tăng thượng.
3. Tuệ học tăng thượng.

Thế nào là Giới học tăng thượng? Nghĩa là an trụ nơi Giới đầy đủ, như trước đã nói rộng. Đó gọi là Giới học tăng thượng.

Thế nào là Tâm học tăng thượng? Nghĩa là lìa pháp lục ác bất thiện, có tâm có tứ, hỷ lạc ly sanh, nhập Tĩnh lự thứ nhất, an trụ đầy đủ, cho đến có thể nhập Tĩnh lự thứ tư, an trụ trọn vẹn. Đó gọi là Tâm học tăng thượng.

Lại, các đẳng trì, đẳng chí vô sắc cùng những đẳng trì đẳng chí hiện có còn lại cũng đều gọi là Tâm học tăng thượng. Nhưng dựa vào Tĩnh lự, có thể đầu tiên nhập chánh tánh ly sanh nơi hiện quán về Thánh đế chẳng phải là hoàn toàn xa lìa tất cả Tĩnh lự để có thể thành tựu sự việc ấy. Vì thế, Tĩnh lự là hết sức thù thắng, nên được nêu riêng là Tâm học tăng thượng.

Thế nào là Tuệ học tăng thượng? Nghĩa là những trí, kiến hiện có đúng như thật về Bốn Thánh đế, đó gọi là Tuệ học tăng thượng.

Hỏi: Do duyên gì chỉ có ba học, chẳng phải là ít, chẳng phải là nhiều?

- Đáp: Là do kiến lập nghĩa của định. Là nghĩa về chỗ dựa của trí. Là biện biệt về nghĩa được tạo tác.

Do kiến lập nghĩa của định: Đó là Giới học tăng thượng. Vì sao?

Vì do Giới kiến lập tâm tánh một cảnh, có thể khiến cho tâm tiếp xúc Tam-ma-địa.

Là nghĩa về chỗ dựa của trí: Đó là Tâm học tăng thượng. Vì sao? Vì do chánh định nên tâm niệm về tánh một cảnh, nơi sự việc của đối tượng nhận biết có trí, kiến đúng như thật chuyển biến.

Biện biệt về nghĩa được tạo tác: Đó là Tuệ học tăng thượng. Vì sao? Vì do hoặc trí hoặc kiến khéo thanh tịnh nên có thể chứng đắc cứu cánh, các phiền não được đoạn trừ. Do phiền não được đoạn trừ, là nghĩa lợi của chính mình, là sự tạo tác thù thắng.

Vượt qua trường hợp này lại không có chỗ tạo tác thù thắng nào nữa. Do nhân duyên ấy nên chỉ có ba học.

Hỏi: Do đâu ba học theo thứ lớp như thế?

- Đáp: Trước là đối với Giới, do khéo thanh tịnh nên không có sâu lo hối hận. Không sâu, hối nên hoan hỷ, an lạc. Do có an lạc nên tâm được chánh định. Tâm được định nên có thể biết đúng như thật, thấy đúng như thật. Thấy, biết đúng như thật nên có thể dấy khởi chán bỏ, chán bỏ nên lìa nhiễm. Do lìa nhiễm nên liền được giải thoát. Được giải thoát nên chứng đắc Niết bàn cứu cánh vô tác. Như thế, đầu tiên là tu tập tịnh giới, tiếp theo là tiến hưởng, sau là chứng đắc Niết bàn cứu cánh vô tác. Do vậy, ba học theo thứ lớp như vậy.

Hỏi: Do đâu ba học gọi là Giới, Tâm, Tuệ tăng thượng?

- Đáp: Là do nghĩa được hưởng tới, là do nghĩa tối thắng, nên gọi là tăng thượng.

Thế nào là nghĩa được hưởng tới? Đó là hưởng tới Tâm tăng thượng mà tu tịnh giới, gọi là Giới học tăng thượng. Vì hưởng tới Tuệ tăng thượng mà tu tâm định, gọi là Tâm học tăng thượng. Vì hưởng tới việc đoạn trừ phiền não mà tu tập trí, kiến, gọi là Tuệ học tăng thượng. Như thế gọi là nghĩa được hưởng tới, nên được nói là tăng thượng.

Thế nào là nghĩa tối thắng? Đó là, hoặc Giới học tăng thượng, hoặc Tâm học tăng thượng, hoặc Tuệ học tăng thượng, chỉ ở nơi Thánh giáo mới riêng có ba thứ này không chung với ngoại đạo. Như vậy gọi là nghĩa tối thắng, nên được gọi là tăng thượng.

Lại, hoặc có Tâm học tăng thượng, có thể dẫn phát Tuệ học tăng thượng. Hoặc có Tuệ học tăng thượng, có thể dẫn phát Tâm học tăng thượng. Nghĩa là Thánh đệ tử chưa đạt được Tĩnh lực căn bản, trước học “Kiến tích”, sau là thắng tiến đoạn trừ hết thủy phiền não do tu đạo đoạn, siêng năng đứng đắn nơi gia hạnh, tu giác chi Niệm, cho đến tu giác chỉ Xả. Đó gọi là Tuệ học tăng thượng dẫn phát Tâm học tăng

thượng. Tâm học tăng thượng dẫn phát Tuệ học tăng thượng: Như trước đã nêu.

Lại, hoặc có Giới học tăng thượng, không có Tâm tăng thượng, không có Tuệ tăng thượng. Hoặc có Giới học tăng thượng cũng có Tâm tăng thượng, chỉ không có Tuệ tăng thượng, chẳng phải là có Tuệ học tăng thượng mà không có Giới tăng thượng cùng không có Tâm tăng thượng. Do vậy, nếu có Tuệ học tăng thượng, nên biết nhất định là gồm đủ ba học.

Ở trong việc kiến lập ba thứ học này, các sư Du già nên siêng năng tu học.

Lại có ba thứ Bồ-đặc-già-la, dựa vào ba học này để nhập hiện quán về đế. Những gì là ba thứ? Đó là:

1. Chưa lìa dục.
2. Lìa dục gấp bội.
3. Đã lìa dục.

Ở đây nên biết, đối với tất cả dục hoàn toàn chưa lìa: Tức siêng tu gia hạnh nhập hiện quán về đế. Đã ở nơi các đế đạt hiện quán rồi, nên chứng quả Dự lưu.

Lìa dục gấp bội: Tức bấy giờ chứng đắc quả Nhất lai.

Đã lìa dục: Là vào lúc ấy, chứng đắc quả Bất hoàn.

Lại có ba căn:

1. Căn vị tri dục tri (Căn chưa biết muốn biết).
2. Căn dĩ tri (Căn đã biết).
3. Căn cụ tri (Căn biết đầy đủ).

Thế nào là kiến lập ba căn như vậy?

Nghĩa là nơi các đế chưa hiện quán: Tức nên siêng tu gia hạnh để hiện quán các đế, dựa vào đấy để kiến lập căn vị tri dục tri. Nếu đối với các đế đã đạt hiện quán, nhưng còn ở hàng hữu học, tức dựa vào đấy để kiến lập căn dĩ tri.

Nếu là bậc A-la-hán, việc làm đã xong, trụ nơi vị vô học, tức dựa vào đấy để kiến lập căn cụ tri.

Lại có ba môn giải thoát:

1. Môn giải thoát không.
2. Môn giải thoát vô nguyện.
3. Môn giải thoát vô tướng.

Thế nào là kiến lập ba môn giải thoát?

Nghĩa là về cảnh của đối tượng nhận biết lược có hai loại: Hữu và Phi hữu.

Hữu có hai loại: Hữu vi và vô vi. Ở trong hữu vi lại nói về năm uẩn hệ thuộc ba cõi. Ở trong vô vi lại nói về Niết bàn.

Hai loại hữu vi, vô vi như vậy hợp gọi là hữu. Nếu nói về ngã, hoặc nói về hữu tình, thọ mạng, sự sanh v.v... thì đó gọi là Phi hữu.

Ở trong hữu vi thấy rõ về lỗi lầm, thấy rõ về tai họa, nên không chỗ cầu nguyện. Không cầu nguyện, nên dựa vào đây để kiến lập môn giải thoát vô nguyện.

Ở trong hữu vi không cầu mong, nên đối với Niết bàn sanh khởi sự cầu mong sâu xa, thấy rõ sự tịch tĩnh tốt bậc, thấy rõ sự vi diệu tốt cùng, thấy rõ nẻo xuất ly vĩnh viễn. Do ở đây thấy rõ nẻo xuất ly vĩnh viễn, nên dựa vào đó để kiến lập môn giải thoát vô tướng.

Ở trong phi hữu không sở hữu, phi hữu cầu nguyện, phi vô cầu nguyện. Như về phi hữu, trở lại tức như thế, nhận biết là phi hữu, thấy rõ là phi hữu, nên dựa vào đây để kiến lập môn giải thoát không. Đó gọi là kiến lập ba môn giải thoát.

Thế nào là tùy thuận pháp học?

Nghĩa là có mười thứ trái ngược với pháp học. Đối trị chúng, nên biết có mười thứ tùy thuận pháp học.

Những gì là mười thứ trái ngược với pháp học? Đó là:

1. Tuổi trẻ cường tráng, hình sắc đáng yêu thích hiện có nơi đất mẹ, là chướng ngại phẩm thượng của hàng thiện nam chánh thức tu học.

2. Nơi các hành thuộc về Tát-ca-da (thân) sinh khởi ái chấp.

3. Biếng nhác lười trễ.

4. Thân kiến.

5. Dựa nơi đoạn thực tham đắm mỹ vị.

6. Đối với vô số hý luận của các thế gian chẳng phải là một mà là rất nhiều với những phẩm loại sai biệt, trong chỗ suy niệm về chúng đã phát khởi mong muốn, tham ái.

7. Tác ý Du già, tư duy về các pháp, với những lỗi lầm tai hại hiện có. Ở đây lại là thế nào? Nghĩa là có mười một thứ:

Thứ nhất: Đối với nghiệp quả của uẩn thật nơi các đế còn do dự, nghi hoặc.

Thứ hai: Ưu tu đoạn trừ các thứ thô trọng của thân.

Thứ ba: Có sự chậm chạp đối với việc tu Chỉ, Quán. Tác ý về lỗi lầm tai hại nơi hôn trầm, thù miên che lấp tâm, khiến tâm bị thu hẹp hết mực.

Thứ tư: Tinh tấn quá mức khiến thân mệt, tâm phiền muộn.

Thứ năm: Tinh tấn quá yếu kém, nên không thể thắng tiến, phẩm thiện suy thoái.

Thứ sáu: Đối với chút ít lợi dưỡng, tiếng tăm, lời khen, theo một trong các thứ ưa thích ấy, sanh khởi tâm vui mừng sâu xa.

Thứ bảy: Luôn trạo cử, không tĩnh lặng, thích múa may náo loạn.

Thứ tám: Đối với Niết bàn vĩnh viễn dứt trừ thân, sanh tâm kinh sợ.

Thứ chín: Nơi các thứ ngôn thuyết, gia hạnh phi lượng, nói bàn thái quá. Tuy giảng nói pháp, luận, nhưng ưa thích bài bác, khởi phương tiện tranh chấp.

Thứ mười: Đối với những điều đã thấy, nghe, thọ nhận từ trước nơi các cảnh giới chẳng phải là một mà là rất nhiều với các phẩm loại sai biệt, tâm luôn dong ruổi, tán loạn.

Thứ mười một: Nơi chốn không nên tư duy mà bắt buộc trầm tư. Nên biết đó gọi là tác ý Du già, tư duy về các pháp với những lỗi lầm tai hại hiện có.

8. Ở trong sự ưa thích các Tĩnh lự, đẳng chí, sinh khởi tâm tham ái sâu xa về vị.

9. Ưa muốn chứng nhập định vô tướng, ở trong các hành thuận theo nẻo kết hợp tán loạn.

10. Riêng thân thọ khổ, cho đến lúc thọ khổ vì bị đoạt mạng luôn tham ái về thọ mạng, mong muốn được sống còn. Theo chỗ mong cầu ấy nên luôn ta thán, sầu muộn.

Đó gọi là mười thứ trái ngược với pháp học.

Thế nào là đối trị mười thứ trái ngược với pháp học như vậy để thuận theo pháp học? Nghĩa là có mười thứ:

1. Tưởng bất tịnh.
2. Tưởng vô thường.
3. Tưởng vô thường - khổ.
4. Tưởng khổ - vô ngã.
5. Tưởng chán nghịch về ăn uống.
6. Tưởng về tất cả thế gian không thể vui thích.
7. Tưởng về ánh sáng.
8. Tưởng lia dục.
9. Tưởng về diệt.
10. Tưởng về chết.

Nơi mười tưởng như thế, khéo tu khéo tập khéo tu tập nhiều, tức có thể đoạn trừ mười thứ chướng ngại đối với pháp học, trái ngược với

pháp học. Nên biết trong ấy có bốn thứ ánh sáng:

1. Ánh sáng của Pháp.
2. Ánh sáng của Nghĩa.
3. Ánh sáng của Chỉ.
4. Ánh sáng của Quán.

Dựa vào sức tăng thượng của bốn thứ ánh sáng ấy để lập tưởng về ánh sáng. Nay trong nghĩa này, ý là nhằm giữ lấy hành tác ý Du già, tư duy các pháp, có thể đoạn trừ pháp chướng ngại. Nên biết ở đây lại có mười thứ tùy thuận pháp học. Đó là:

1. Nhân từ trước.
2. Tùy thuận nơi giáo.
3. Gia hạnh như lý.
4. Hành tác luôn cẩn trọng, không gián đoạn.
5. Ưa muốn mãnh liệt.
6. Giữ vững lực Du già.
7. Dứt bỏ mọi thô trọng của thân tâm.
8. Thường xuyên quán xét.
9. Không có khiếm nhược.
10. Lìa tăng thượng mạn.

Thế nào là nhân từ trước? Nghĩa là trước đã tu tập tích tập các căn, thành thực các căn.

Thế nào là tùy thuận nơi giáo? Đó là giáo pháp được nêu giảng theo thứ lớp, không điên đảo.

Thế nào là gia hạnh như lý? Nghĩa là theo như giáo pháp tu hành thuận hợp. Tu hành như thế tức có thể sinh khởi chánh kiến.

Thế nào là hành tác luôn cẩn trọng, không gián đoạn? Nghĩa là do gia hạnh đúng đắn như thế, nên đối với các phẩm thiện không gắng sức một cách uổng phí, tức mau chóng có thể tích tập các phẩm thiện hiện có.

Thế nào là ưa muốn mãnh liệt? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với sự giải thoát trên, phát sinh hâm mộ, mong muốn. Ta, vào lúc nào, sẽ ở nơi xứ này có thể an trụ đầy đủ? Như các bậc Thánh đối với xứ này đã an trụ trọn vẹn?

Thế nào là giữ vững lực Du già? Nghĩa là có hai nhân duyên có thể khiến hành giả đạt được việc giữ vững lực Du già:

1. Bản tánh là lợi căn.
2. Thường xuyên tu tập thông suốt.

Thế nào là dứt trừ mọi thứ thô trọng nơi thân, tâm? Nghĩa là như

có một hữu tình, hoặc do thân khó nhọc, thiếu thốn nên phát khởi những thô trọng nơi thân, tâm. Trường hợp này nhân nơi oai nghi thay đổi liền có thể dứt bỏ. Hoặc do quá vội gấp trong việc dò xét nên phát khởi các thứ thô trọng nơi thân, tâm. Ở đây nhân nơi phương tiện là nội tâm tĩnh lặng mà liền được dứt trừ. Hoặc do tâm bị thu hẹp, thấp kém, bị các thứ hôn trầm, thù miên vây buộc, nên phát khởi các thứ thô trọng nơi thân tâm. Trường hợp này nhờ vào pháp quán thuận theo tác ý thanh tịnh của Tuệ tăng thượng mà được dứt diệt. Hoặc do phiền não của bản tánh chưa đoạn trừ, tức có phẩm phiền não, nên những thô trọng của thân tâm chưa thể lìa bỏ. Ở đây nhờ vào việc siêng tu chánh đạo luôn nối tiếp tức liền được dứt trừ.

Thế nào là thường xuyên quán xét? Nghĩa là nương theo Giới, thường xuyên quan sát, không nên tạo tác việc ác, việc thiện nên làm. Đối với việc ác không làm, không chuyển. Đối với việc thiện thì nên làm, không thối thất. Đối với việc ác nên làm thiện để trừ bỏ. Đối với việc thiện nên làm để gắn liền.

Lại nữa, đối với phiền não đã đoạn cùng chưa đoạn, nên tác ý quán xét. Do lực tăng thượng nên thường xuyên quan sát. Nếu biết đã đoạn liền sanh hoan hỷ. Nếu biết chưa đoạn, tức nên luôn siêng năng tu tập chánh đạo.

Thế nào là không có khiếp nhược? Nghĩa là nơi thời gian sau, trong việc nên biết nên thấy nên chứng đắc, nếu chưa đạt được tức phát sanh khiếp nhược, khiến tâm mệt mỏi, khiến tâm hao tổn. Sự khiếp nhược đã sanh rồi thì không giữ chặt, nên mau chóng có thể đoạn trừ.

Thế nào là lìa tăng thượng mạn? Đó là, đối với các thứ sở đắc, các nẻo tiếp xúc, chứng đạt đều không có tăng thượng mạn, lìa chấp điên đảo. Nơi sở đắc chân thật dấy khởi tưởng “có được”. Nơi nẻo tiếp xúc chân thật, dấy khởi tưởng tiếp xúc. Nơi nẻo chứng đạt đích thực dấy khởi tưởng thân chứng.

Mười pháp như vậy, nơi các sư Du già vui thích tu học phải nên tu tập. Trong các thời gian đầu giữa sau nên luôn tùy thuận không có trái ngược. Do đó gọi là thuận theo pháp học.

Thế nào là Du già hoại? Nghĩa là hoại Du già lược có bốn thứ:

1. Hoại Du già hoàn toàn.
2. Hoại Du già tạm thời.
3. Hoại Du già do chỗ đạt được bị thối thất.
4. Hoại Du già do tạo hạnh tà.

Hoại Du già hoàn toàn: Đó là Bồ-đặc-già-la (hữu tình) không có

chúng tánh. Vì sao? Do trong thân của hữu tình ấy không thể hưởng tới pháp Niết bàn, nên hoàn toàn hoại mất pháp Du già xuất thế gian.

Hoại Du già tạm thời: Đó là Bồ đặc già la có chủng tánh. Vì sao? Tức do nơi thân của hữu tình ấy có khả năng hưởng đến pháp Niết bàn. Tuy trải qua thời gian lâu xa thiếu duyên bên ngoài, nhưng nhất định sẽ gặp duyên để tu tập Du già khiến được hiện khởi. Khéo tu tập rồi sẽ Bát Niết bàn. Vì thế, nói hữu tình ấy Du già tạm thời hiện có rồi hoại mất.

Hoại Du già do chỗ đạt được bị thối thất: Nghĩa là như có một hữu tình bị thối thất pháp Du già đã đạt được, đã tiếp xúc, đã chứng đắc, hoặc là trí, hoặc là kiến, hoặc là trụ an lạc.

Hoại Du già do tạo hạnh tà: Đó là như có một hữu tình siêng năng tu hành không như chánh lý, tuy dụng công nhiều, nhưng không thành tựu tức không thể thành tựu đầy đủ về tất cả Du già, cũng không phải là pháp thiện. Lại như có một hữu tình có nhiều thứ phiền não, tánh nhiều cấu uế, nhưng nhận thức thông sáng, tuệ giác mãn tiệp, thành tựu sự hiểu biết câu sinh, khéo gồm thâu những điều được nghe một cách rất ráo. Hoặc ít hoặc nhiều, hoặc trụ nơi chốn vắng lặng. Có kẻ tại gia cùng người xuất gia, do tánh chất trực, tìm đến trụ xứ của vị kia, nhân đấy thuyết giảng pháp khiến người tới nghe tâm đều hoan hỷ. Vị kia lại hành đối trá, vọng hiện vô số tạo tác hợp thiện, tương ứng nơi thân, ngữ. Do nhân duyên ấy nên gây tạo, tích tập được nhiều sự tôn kính xưng tụng, tưởng về phước đức lớn, cùng với những lợi dưỡng về y phục, ngọc cụ, thuốc men v.v..., được các bậc quốc vương, đại thần, cư sĩ, cho đến thương chủ, cung kính, tôn trọng, cùng cho đó là bậc A-la-hán... Nhưng thực chất thì không phải như thế. Kẻ kia suy nghĩ: “Ta nay nên tự tư duy, lường tính, quán xét để an lập pháp Du già”. Kẻ kia, do sức tăng thượng của sự việc này, nên càng tham đắm về lợi dưỡng cùng sự cung kính, danh tiếng v.v... tức ở nơi vắng lặng tự thẩm xét, tư duy, lường tính, nhằm an lập pháp Du già, nhưng pháp Du già này không thuận với kế kinh, không hiện bày giới luật, trái ngược với pháp tánh. Kẻ kia, do sức tăng thượng của những tham vọng về lợi dưỡng, sự cung kính v.v... nên ở trong phi pháp đấy khởi tưởng về pháp, khởi tưởng che giấu, khởi những ưa muốn xấu ác, hiển bày, chỉ dẫn phi pháp là pháp. Những người thuận theo kiến giải của kẻ ấy, cũng đối với phi pháp khởi tưởng là pháp đúng. Là hạng ngu tối, độn chậm nên ở trong phi pháp khởi tưởng về pháp, tuy theo như giáo pháp tinh tấn tu tập, nên biết tất cả đều là hành tà. Như vậy gọi là tạo tác hạnh tà nên Du già bị hoại mất. Hình tượng giống chánh pháp nhưng không phải là chánh pháp

đích thực, tức có thể gây chướng ngại cho chánh pháp. Các Bí-sô siêng tu Tĩn lự, là sư Du già, đối với bốn thứ pháp hoại Du già ấy phải nhận biết đúng khắp, nên xa lìa, dứt bỏ.

Thế nào là Du già?

Nghĩa là có bốn Du già. Đó là:

1. Tĩn.
2. Dục.
3. Tinh tấn.
4. Phương tiện.

Nên biết về Tĩn có hai hành tướng và hai chỗ dựa.

Hai hành tướng của Tĩn là:

Thứ nhất: Hành tướng tĩn thuận.

Thứ hai: Hành tướng thanh tịnh.

Hai chỗ dựa của Tĩn là:

Thứ nhất: Chỗ dựa của đạo lý quan sát các pháp.

Thứ hai: Chỗ dựa là thần lực của Bồ-đặc-già-la tin hiểu.

Dục có bốn thứ. Đó là:

1. Dục vì chứng đắc.
2. Dục vì thỉnh vấn.
3. Dục vì tích tập tư lương.
4. Dục vì tùy thuận Du già.

Dục vì chứng đắc: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với giải thoát trên hết phát sinh mong cầu, hâm mộ, như trước đã nói rộng.

Dục vì thỉnh vấn: Nghĩa là như có một hữu tình, phát sinh mong cầu hâm mộ rồi, nên đi tới Tăng-già-lam, đi đến trụ xứ của các vị đồng tu phạm hạnh có hiểu biết, thành tựu diệu trí Du già, để lắng nghe những điều chưa được nghe một cách rõ ràng.

Dục vì tích tập tư lương: Nghĩa là như có một hữu tình, vì giới luật nghi thanh tịnh, vì căn luật nghi thanh tịnh, nên đối với việc ăn uống biết rõ về lượng giảm, luôn tỉnh giác trong việc ngủ nghỉ trụ nơi chánh tri, lần lượt tăng trưởng, phát sinh mong cầu, hâm mộ.

Dục vì tùy thuận Du già: Nghĩa là đối với gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh cẩn trọng, luôn tu tập đạo, phát sinh mong cầu, hâm mộ, phát sinh vui thích, muốn có hành tác.

Tinh tấn có bốn. Đó là:

1. Tinh tấn vì lắng nghe (Văn).
2. Tinh tấn vì tư duy (Tư).
3. Tinh tấn vì tu tập (Tu).

4. Tinh tấn vì chướng ngại được thanh tịnh.

Tinh tấn vì lắng nghe: Nghĩa là lắng nghe điều chưa được nghe một cách rất ráo, nên tâm siêng năng dũng mãnh, xét quyết gia hạnh.

Tinh tấn vì tư duy: Đó là như pháp đã được nghe, ở riêng nơi chốn vắng lặng tư duy về nghĩa, lường tính, quán xét.

Tinh tấn vì tu tập: Là nhập tịch tĩnh, nơi mọi thời gian siêng tu Chỉ, Quán.

Tinh tấn vì chướng ngại được thanh tịnh: Tức nơi ngày đêm luôn thúc đẩy, khuyến khích siêng năng kinh hành, ngồi thiền, theo các pháp chướng ngại, tịnh tu nơi tâm, tâm tinh tấn, dũng mãnh, xét, quyết.

Phương tiện có bốn. Đó là: Do lực tăng thượng của giới luật nên khéo giữ gìn niệm. Khéo giữ gìn niệm nên có thể không phóng dật, phòng hộ nơi tâm, tu các pháp thiện. Không phóng dật nên tâm chân chánh, bên trong tu Chỉ, Quán theo pháp của Tuệ tăng thượng.

Bốn Du già này có mười sáu thứ, nên biết trong ấy, đầu tiên là do Tín nên đối với nghĩa cần đạt được, phát sinh tin hiểu sâu xa. Tiếp đấy, đối với các pháp thiện sinh khởi ưa muốn (dục). Do ưa muốn nên ngày đêm luôn thúc đẩy, an trụ nơi tinh tấn. Kiên cố dũng mãnh phát khởi tinh tấn rồi thì thân nhận phương tiện để có thể đạt được điều chưa đạt, có thể tiếp xúc điều chưa tiếp xúc, có thể chứng đắc pháp chưa chứng đắc. Do đó, bốn pháp này được gọi là Du già.

Thế nào là tác ý?

Nghĩa là bốn tác ý:

1. Tác ý vận chuyển gắng sức.
2. Tác ý vận chuyển hữu gián.
3. Tác ý vận chuyển vô gián.
4. Tác ý vận chuyển không dụng công.

Thế nào là tác ý vận chuyển gắng sức? Đó là người mới tu nghiệp, khiến tâm đối với bên trong an trụ, cùng trụ. Hoặc nơi các pháp xét chọn không diên đảo, cho đến tác ý tu tập pháp chưa đạt được. Bấy giờ, tác ý vận chuyển gắng sức, do gắng sức gấp bội đã tác động nơi tâm khiến trụ vào một cảnh. Vì vậy gọi là tác ý vận chuyển gắng sức.

Thế nào là tác ý vận chuyển hữu gián? Nghĩa là sau khi đạt được tác ý tu tập rồi, nơi đạo thế gian, xuất thế gian lần lượt thắng tiến. Tác ý nhận rõ tướng, do chỗ gián đoạn xen lẫn của tư duy thuộc Tam-ma-địa, nên chưa thể hoàn toàn thuần tu hành chuyển. Vì thế gọi là tác ý vận chuyển hữu gián.

Thế nào là tác ý vận chuyển vô gián? Nghĩa là từ tác ý nhận rõ

tướng về sau, cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh. Đó gọi là tác ý vận chuyển không gián đoạn.

Thế nào là tác ý vận chuyển không dụng công? Đó là tác ý về quả cứu cánh của gia hạnh.

Lại có bốn thứ tác ý khác:

1. Tác ý tùy thuận.
2. Tác ý đối trị.
3. Tác ý thuận thanh tịnh.
4. Tác ý thuận quan sát.

Thế nào là tác ý tùy thuận? Đó là nơi đối tượng duyên phát sinh sự chán, hoại sâu xa, nên đẩy khởi gia hạnh đúng đắn, nhưng chưa đoạn trừ các hoặc.

Thế nào là tác ý đối trị? Nghĩa là có thể đoạn trừ các hoặc.

Thế nào là tác ý thuận thanh tịnh? Đó là tâm khiêm tốn để giữ lấy tướng tịch diệt, thúc đẩy khiến hoan hỷ.

Thế nào là tác ý thuận quan sát? Nghĩa là tác ý quan sát. Do lực tăng thượng của tác ý này, nên quán thuận về các phiền não đã đoạn cùng chưa đoạn.

- Hỏi: Nơi cánh của đối tượng duyên, lúc chính thức tác ý, tư duy về bao nhiêu tướng?

- Đáp: Bốn tướng. Đó là:

1. Tướng của đối tượng duyên.
2. Tướng của nhân duyên.
3. Tướng nên xa lìa.
4. Tướng nên tu tập.

Tướng của đối tượng duyên: Là đồng phận của sự việc được nhận biết với ảnh tượng hiển hiện rõ ràng.

Tướng của nhân duyên: Nghĩa là tích tập tư lương của Tam-ma-địa, thuận theo sự chỉ dạy, dẫn dắt, cùng với tu tập đồng hiện hành, ưa muốn mãnh liệt. Đối với pháp đáng chán lìa, sanh khởi tâm chán bỏ sâu xa, có thể thẩm xét, nhận biết khắp về loạn và chẳng loạn, kẻ khác không thể nào hại. Hoặc do người tạo tác, hoặc do hàng phi nhân tạo tác, hoặc tạo tác âm thanh, hoặc tạo tác công dụng. Hoặc dùng pháp Quán đứng đầu, bên trong tâm được thu hẹp, hết sức mãnh liệt để quán về tướng nhân duyên sau. Hoặc dùng pháp Chỉ đứng đầu, phát khởi quán thù thắng, hết sức mãnh liệt để chỉ về tướng nhân duyên sau.

Tướng nên xa lìa lại có bốn thứ:

1. Tướng trầm (Hôn trầm).

2. Tướng trạo (Trao cử).
3. Tướng chấp trước.
4. Tướng loạn động.

Tướng trâm: Là do tướng của đối tượng duyên và tướng của nhân duyên, nên khiến tâm thấp kém.

Tướng trạo: Là do tướng của đối tượng duyên và tướng của nhân duyên, nên khiến tâm tự đề cao.

Tướng chấp trước: Là do hai tướng đã nêu, khiến tâm đối nơi cảnh dấy khởi nhiễm, chấp, tạo các não loạn.

Tướng loạn động: Do hai tướng đã nêu, khiến tâm đối với bên ngoài cứ dong ruổi, tán động.

Các tướng như thế, trong địa đẳng dẫn ở trước đã nêu rõ.

Hỏi: Tác ý như vậy, nơi cảnh của đối tượng duyên, lúc phát khởi thắng giải, có bao nhiêu thắng giải?

- Đáp: Có chín thắng giải. Đó là:

1. Thắng giải có sự thanh tịnh sáng tỏ.
2. Thắng giải không có sự thanh tịnh sáng tỏ.
3. Thắng giải trì độn.
4. Thắng giải mãi tiếp.
5. Thắng giải nhỏ hẹp.
6. Thắng giải rộng lớn.
7. Thắng giải vô lượng.
8. Thắng giải thanh tịnh.
9. Thắng giải không thanh tịnh.

Thắng giải có sự thanh tịnh sáng tỏ: Nghĩa là thắng giải hiện có của tâm trong lặng đối với tướng ánh sáng khéo giữ lấy và cùng hiện hữu với ánh sáng.

Thắng giải không có sự thanh tịnh sáng tỏ: Đó là thắng giải hiện có, đối với tướng ánh sáng không thể khéo giữ lấy và cùng hiện hữu với bóng tối.

Thắng giải trì độn: Tức là thắng giải hiện có nơi thân của hàng độn căn.

Thắng giải mãi tiếp: Là thắng giải hiện có nơi thân của hàng lợi căn.

Thắng giải nhỏ hẹp: Là thắng giải cùng hiện hành với tín, dục nhỏ hẹp và thắng giải nơi ý giải của đối tượng duyên nhỏ hẹp. Tác ý nhỏ hẹp cùng đối tượng duyên nhỏ hẹp như vậy, nên gọi là thắng giải nhỏ hẹp.

Thắng giải rộng lớn: Là thắng giải cùng hiện hành với tín, dục rộng lớn và thắng giải nơi ý giải của đối tượng duyên rộng lớn. Do tác ý rộng lớn cùng đối tượng duyên rộng lớn như vậy, nên gọi là thắng giải rộng lớn.

Thắng giải vô lượng: Nghĩa là thắng giải cùng hiện hành với tín, dục vô biên, không bến bờ, và thắng giải nơi ý giải của đối tượng duyên vô biên không bờ bến. Do tác ý vô lượng cùng đối tượng duyên vô lượng như thế, nên gọi là thắng giải vô lượng.

Thắng giải thanh tịnh: Là thắng giải cùng hiện hành với hành giả đã khéo tu tập, đã khéo thành tựu đầy đủ, đã khéo đạt cứu cánh.

Thắng giải không thanh tịnh: Là thắng giải cùng hiện hành với hành giả chưa khéo tu tập, chưa thành tựu đầy đủ, chưa đạt cứu cánh.

Hỏi: Người tu Du già gồm có bao nhiêu thứ Du già được tạo tác?

- Đáp: Có bốn. Đó là:

1. Chỗ dựa về diệt.
2. Chỗ dựa về chuyển.
3. Đối tượng duyên được nhận biết khắp.
4. Đối tượng duyên được yêu thích.

Chỗ dựa về diệt và chỗ dựa về chuyển: Đó là chỗ dựa cùng hiện hành của những thô trọng hiện có nơi hành giả tác ý siêng năng tu tập Du già dần dần được diệt trừ. Là chỗ dựa cùng hiện hành của khinh an hiện có dần dần được chuyển biến. Đó gọi là chỗ dựa về diệt và chỗ dựa về chuyển nơi Du già được tạo tác.

Đối tượng duyên được nhận biết khắp và đối tượng duyên được yêu thích: Nghĩa là hoặc có đối tượng duyên được nhận biết khắp và đối tượng duyên được yêu thích cùng với chỗ dựa về diệt và chuyển được xem là đứng đầu, do sức tăng thượng của hai đối tượng duyên ấy, nên khiến cho hai chỗ dựa kia diệt và chuyển.

Hoặc có hai đối tượng duyên kia dùng chỗ dựa về thanh tịnh đứng đầu, do sức tăng thượng của chỗ dựa về thanh tịnh ấy nên khiến cho hai đối tượng duyên kia được hoàn toàn thanh tịnh, nơi sự tạo tác khi đã thành tựu đầy đủ, theo đấy mà chuyển. Đó gọi là bốn thứ Du già được tạo tác của người tu Du già.

Hỏi: Sư Du già tu tập gồm có bao nhiêu thứ?

- Đáp: Có ba. Đó là:

1. Sư Du già mới tu nghiệp.
2. Sư Du già đã tập hành.
3. Sư Du già đã vượt qua tác ý.

Thế nào là sư Du già mới tu nghiệp? Đó là có hai loại mới tu nghiệp:

Thứ nhất: Mới tu nghiệp đối với tác ý.

Thứ hai: Mới tu nghiệp làm tịnh phiền não.

Thế nào là mới tu nghiệp đối với tác ý? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la mới tu nghiệp, an trụ nơi một duyên, tác ý siêng tu, cho đến chưa đạt được tác ý về đối tượng tu, chưa thể xúc chứng tâm ý một cảnh.

Thế nào là mới tu tập làm tịnh phiền não? Là đã chứng đắc tác ý về đối tượng tu, đối với các phiền não muốn cho tâm được thanh tịnh, nên phát khởi, thâm nhận tác ý biết rõ tướng, siêng năng chân chánh để tu tập.

Thế nào là sư Du già đã tập hành? Nghĩa là trừ tác ý biết rõ tướng, ở trong năm tác ý còn lại, cho đến gia hạnh cứu cánh, đều đã khéo tu tập.

Thế nào là sư Du già đã vượt qua tác ý? Nghĩa là trụ trong phần vị tác ý về quả cứu cánh của gia hạnh, do đó nên vượt quá tác ý về đối tượng tu của phương tiện gia hạnh, an trụ nơi quả tu. Vì thế gọi là đã vượt qua tác ý.

Lại, khởi đầu từ tu tập pháp thiện dục trở đi, cho đến chưa khởi thiện căn của thuận phần quyết trạch, bấy giờ gọi là mới tu nghiệp. Nếu đã phát khởi thiện căn của thuận phần quyết trạch, đó là noãn, đẳng, tùy thuận để nhận, thế đệ nhất pháp, gọi là đã tập hành. Nếu đã chứng nhập chánh tánh ly sanh, đạt hiện quán về đế không do duyên khác, đối với Thánh giáo của Phật không bị các duyên còn lại thâm đoạt, nên vào lúc này, gọi là vượt qua tác ý. Vì hành giả đã vượt qua tác ý của duyên khác, trụ nơi tác ý hiện có chẳng phải là duyên khác, vì thế gọi là đã vượt qua tác ý.

Thế nào là tu Du già?

Nghĩa là có hai loại. Đó là:

1. Tu tưởng.
2. Tu Bồ đề phần.

Thế nào là tu tưởng? Nghĩa là, lúc tu đạo thế gian, đối với các địa dưới tu tưởng về lỗi lầm tai hại. Hoặc lúc tu đạo Niết bàn, đối với giới đoạn, giới diệt, lìa dục giới, quán thấy các công đức tịch tĩnh tối thắng, tu tập tưởng đoạn, tưởng diệt, tưởng lìa dục. Hoặc lúc tu Xa-ma-tha, tu tập tưởng trên dưới của phẩm Chỉ. Hoặc khi tu Tỳ-bát-xá-na, tu tập tưởng trước sau của phẩm Quán.

Tưởng trên dưới: Là quán xét thân này, như chỗ trụ, chỗ nguyện

của nó. Trên từ nơi trên đỉnh đầu, dưới đến dưới chân, với vô số tạp loại bất tịnh đầy đầy, như trước đã nói rộng.

Tưởng trước sau: Nghĩa là như có một hữu tình, nơi tướng của đối tượng quán, ân cần hướng đến, khéo giữ lấy, khéo tư duy, khéo hiểu rõ, khéo thông đạt. Tức là đứng quán về ngôi, ngôi quán về nằm, hoặc tại hành sau quán xét hành trước. Đây chính là hiển bày dùng hành của Tỷ-bát-xá-na quán xét về các hành duyên sanh của ba đời. Nghĩa là, nếu nói đứng quán về ngôi, thì đây tức là hiển bày dùng tác ý hiện tại để quán xét về các hành được nhận biết của vị lai. Vì sao? Vì phần vị của tác ý hiện tại đã hiện sinh nên nói là trụ (đứng). Phần vị được nhận biết của vị lai chưa hiện sinh, chỉ sắp đầy khởi nên gọi là ngôi.

Nếu lại nói: Ngôi quán về nằm, thì đây tức hiển bày dùng tác ý hiện tại để quán xét về các hành được nhận biết của quá khứ. Vì sao? Vì phần vị của tác ý hiện tại vừa mới diệt nên nói là ngôi. Phần vị được nhận biết của quá khứ đã diệt hẳn nên gọi là nằm. Nếu lại nói: Hoặc nơi hành sau quán xét về hành trước, thì đây tức hiển bày dùng tác ý hiện tại để quán về tác ý hiện hành của vô gián diệt. Vì sao? Vì nếu đã sinh khởi lui diệt vô gián, giữ lấy tác ý, gọi là hành trước. Nếu vô gián này luôn sinh khởi tiếp nối có thể giữ lấy tác ý, giữ lấy phần vô gián đã lui diệt trước, thì gọi là hành sau. Nên biết trong ấy là tu Chỉ, Quán. Tu tưởng ánh sáng thù thắng của hai phẩm ấy, đó gọi là tu tưởng.

Thế nào là tu Bồ đề phần? Nghĩa là đối với ba mươi bảy pháp phần Bồ đề, thân cận, tích tập, hoặc tu hoặc tập, hoặc tu tập nhiều, thì đó gọi là tu Bồ đề phần.

Những gì gọi là ba mươi bảy pháp phần Bồ đề? Đó là:

- Bốn niệm trụ (bốn niệm xứ).
- Bốn chánh đạo (bốn chánh căn).
- Bốn thần túc.
- Năm căn.
- Năm lực.
- Bảy giác chi.
- Tám Thánh đạo.

Bốn niệm trụ: Tức:

1. Niệm trụ về thân.
2. Niệm trụ về thọ.
3. Niệm trụ về tâm.
4. Niệm trụ về pháp.

Bốn chánh đạo:

Đối với pháp ác, bất thiện đã sanh thì khiến đoạn trừ. Dấy khởi dục (mong muốn), thúc đẩy, khích lệ, phát sinh siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm để chánh đoạn.

Đối với pháp ác, bất thiện chưa sanh thì khiến không sanh. Dấy khởi mong muốn, thúc đẩy, khích lệ, phát sinh siêng năng tinh tấn, thôi thúc tâm, giữ vững tâm để chánh đoạn.

Đối với pháp thiện đã sanh, thì nhằm khiến được trụ, không quên mất, khiến tu viên mãn, khiến tu tập gấp bội, khiến được tăng trưởng, rộng lớn, sanh khởi mong muốn, thúc đẩy, khích lệ, khiến siêng năng tinh tấn, thôi thúc tâm, giữ vững tâm để chánh đoạn.

Bốn thần túc:

Thần túc thành tựu do Tam-ma-địa dục đoạn hành.

Thần túc thành tựu do Tam-ma-địa cần đoạn hành.

Thần túc thành tựu do Tam-ma-địa tâm đoạn hành.

Thần túc thành tựu do Tam-ma-địa quán đoạn hành.

Năm căn:

Tín căn.

Tinh tấn căn.

Niệm căn.

Định căn.

Tuệ căn.

Năm lực:

Tín lực.

Tinh tấn lực.

Niệm lực.

Định lực.

Tuệ lực.

Bảy giác chi:

Giác chi niệm.

Giác chi trạch pháp.

Giác chi tinh tấn.

Giác chi hỷ.

Giác chi khinh an.

Giác chi định.

Giác chi xả.

Tám chi Thánh đạo:

Chánh kiến.

Chánh tư duy.

Chánh ngữ.
 Chánh nghiệp.
 Chánh mạng.
 Chánh tinh tấn.
 Chánh niệm.
 Chánh định.

Nay ở đây, thế nào là thân? Thế nào là nơi thân trụ, tuần tự quán về thân? Thế nào là niệm? Thế nào là niệm trụ?

Lược nói về tướng của thân có ba mươi lăm thứ. Đó là: Thân nội, thân ngoại, thân thuộc về căn, thân thuộc về chẳng phải căn, thân thuộc về số hữu tình, thân thuộc về số phi hữu tình, thân cùng hiện hành với thô trọng, thân cùng hiện hành với khinh an, thân của chủ thể tạo tác, thân của đối tượng được tạo tác, thân của danh, thân của sắc, thân na lạc ca, thân bàng sanh, thân tổ phụ quốc, thân loài người, thân loài trời, thân có thức, thân không thức, thân trung gian, thân biểu hiện, thân biến dị, thân không biến dị, thân nữ, thân nam, thân bán trạch ca, thân thân hữu, thân không phải thân hữu, thân trung dung, thân thấp kém, thân phẩm trung, thân ấu thơ, thân thiếu niên, thân già nua. Như thế gọi là thân tướng sai biệt.

An trụ, tuần tự quán về thân lược có ba thứ: Nghĩa là dựa nơi ba tuệ Văn Tư Tu tăng thượng của thân, do nơi tuệ ấy, nên đối với tất cả tướng của tất cả thân, quán sát đúng đắn, suy cầu đúng đắn, theo quán theo giác niệm. Tức là dựa nơi sự thọ trì chánh pháp tăng thượng nơi thân, tư duy về nghĩa của pháp, tu tập tác chứng, nơi văn nơi nghĩa tu tập tác chứng, tâm không hề quên mất. Hoặc tư duy kỹ: Ta đối với chánh pháp là thọ trì đúng đắn hay là không như thế? Nơi các thứ nghĩa kia, tuệ khéo thấu đạt hay là không phải thế? Khéo có thể xúc chứng để đạt giải thoát hay là chẳng phải vậy? Xét rõ như vậy để an trụ nơi niệm, gọi là niệm trụ.

Lại, vì để hộ trì tâm, vì đối nơi cảnh không nhiễm, vì an trụ nơi đối tượng duyên, gọi là niệm trụ.

Vì để hộ trì niệm: Tức là như nói trước là hộ trì niệm, hoặc luôn thuận nơi niệm.

Vì đối với cảnh không nhiễm: Tức như nói niệm giữ gìn tâm hành vị bình đẳng, không giữ lấy tướng, không giữ lấy vẻ đẹp kèm theo, nói rộng cho đến giữ gìn ý căn, tu luật nghi ý căn.

Vì nhằm an trụ nơi đối tượng duyên: Nghĩa là như nói: Đối với bốn đối tượng duyên, an trụ nơi niệm. Tức là nơi các đối tượng duyên hiện

bày đầy khắp, hạnh tịnh, thiện xảo, hoặc tịnh, do ba tướng ấy khéo trụ nơi niệm, nên gọi là niệm trụ.

Thế nào là thọ nhận? Đó là lạc thọ, khổ thọ, thọ không khổ, không lạc, thân lạc thọ, thân khổ thọ, thân không khổ không lạc thọ. Như nói về thân thọ, tâm thọ cũng vậy.

Lại có thọ ái vị. Khổ có thọ ái vị. Không khổ không lạc có thọ ái vị, không thọ ái vị. Dựa nơi thọ đam mê, tham vương, nên biết cũng vậy. Lạc dựa nơi thọ xuất ly. Khổ dựa nơi thọ xuất ly. Không khổ không lạc dựa nơi thọ xuất ly. Như vậy tổng cộng có hai mươi một thọ, hoặc chín thứ thọ.

Thế nào là tâm? Đó là tâm có tham, tâm lìa tham. Tâm có sân, tâm lìa sân. Tâm có si, tâm lìa si. Tâm thu hẹp, tâm tán loạn. Tâm hạ thấp, tâm đề cao. Tâm trạo cử, tâm không trạo cử. Tâm tịch tĩnh, tâm không tịch tĩnh. Tâm định, tâm không định. Tâm khéo tu, tâm không khéo tu. Tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát. Như vậy gọi chung là hai mươi thứ tâm.

Thế nào là pháp? Đó là, pháp hoặc tham, tham nơi Tỳ nại da. Pháp hoặc sân, sân nơi Tỳ nại da. Pháp hoặc si, si nơi Tỳ nại da. Pháp hoặc thu hẹp hoặc mở rộng. Pháp hoặc hạ thấp hoặc đề cao. Pháp hoặc trạo cử hoặc không trạo cử. Pháp hoặc tịch tĩnh hoặc không tịch tĩnh. Pháp hoặc định hoặc chẳng định. Pháp hoặc khéo tu hoặc không khéo tu. Pháp hoặc khéo giải thoát hoặc không khéo giải thoát. Như vậy nên biết, là đã kiến lập hai mươi thứ pháp về phẩm bạch, phẩm hắc, phẩm nhiễm, phẩm tịnh.

Lại nữa, lạc thọ: Nghĩa là thuận theo xúc của lạc thọ, làm duyên sinh ra các thọ bình đẳng, thuộc về thọ. Đó gọi là lạc thọ.

Ở đây, nếu tương ứng với năm thức, gọi là thân thọ. Nếu tương ứng với ý thức, gọi là tâm thọ. Như thuận theo xúc của lạc thì thuận theo xúc của khổ thọ, thuận theo xúc của thọ không khổ không lạc, làm duyên sinh ra các thọ không bình đẳng thuộc về thọ, sinh ra các thọ phi bình đẳng phi chẳng bình đẳng thuộc về thọ. Đó gọi là khổ thọ, thọ không khổ không lạc.

Ở đây, nếu tương ứng với năm thức, gọi là thân thọ. Nếu tương ứng với ý thức, gọi là tâm thọ. Các thọ như thế, hoặc tùy thuận Niết bàn, hoặc tùy thuận sự quyết trạch rốt ráo, xuất ly rốt ráo, lìa cấu uế rốt ráo, có thể khiến cho phạm hạnh viên mãn, gọi là không thọ ái vị. Nếu rơi vào cảnh giới thì gọi là có thọ ái vị. Hoặc hệ thuộc nơi Sắc giới, Vô sắc giới, hoặc tùy thuận lìa dục, gọi là dựa nơi thọ xuất ly. Hoặc hệ thuộc

Dục giới, hoặc không thuận lìa dục, gọi là dựa nơi thọ tham đắm vướng mắc.

Lại có tâm tham: Nghĩa là nơi cảnh sự của đối tượng duyên đáng yêu thích đã tham vướng, bị trói buộc.

Lìa tâm tham: Tức là xa lìa mọi trói buộc của tham như thế.

Có sân tâm: Nghĩa là nơi cảnh sự của đối tượng duyên đáng giận dữ đã sân hận bị trói buộc.

Lìa sân tâm: Đó là xa lìa mọi trói buộc của sân như thế.

Có tâm si: Nghĩa là nơi cảnh sự của đối tượng duyên đáng ngu si đã si mê bị trói buộc.

Lìa tâm si: Tức là xa lìa mọi trói buộc của si mê như thế.

Sáu tâm như vậy nên biết là chỗ dấy khởi ba phẩm phiền não lúc hành trì, cùng những đối trị sai biệt về ba phẩm ấy.

Tâm thu hẹp: Là do hành chỉ, nên nơi đối tượng duyên bên trong đã trói buộc tâm.

Tâm tán loạn: Đó là đối với năm dục diệu bên ngoài, thuận theo dấy nổi kết tán động.

Tâm hạ thấp: Là hôn trầm, thù miên cùng hiện hành.

Tâm đề cao: Là đối với đối tượng duyên tịnh diệu hiển hiện sáng rõ.

Tâm trạo cử: Là do trạo cử thái quá nên bị trạo cử trói buộc.

Tâm không trạo cử: Là đối với lúc trạo cử cùng lúc bị thu hẹp, đều đạt bình đẳng xả.

Tâm tịch tĩnh: Là từ nơi các thứ ngăn che đã được giải thoát.

Tâm không tịch tĩnh: Nghĩa là từ nơi các thứ ngăn che chưa được giải thoát.

Tâm định: Là từ nơi các thứ ngăn che đạt được giải thoát rồi, lại có thể chứng nhập Tĩnh lự căn bản.

Tâm không định: Là chưa có thể hội nhập.

Tâm khéo tu: Là đối với định ấy thường xuyên tu tập thông suốt, được theo chỗ mong muốn, không khó khăn, không bị trở ngại, mau chóng có thể chứng nhập.

Tâm không khéo tu: Tức về tướng trái ngược với tâm trên.

Tâm khéo giải thoát: Là từ nơi hết thấy đều đạt giải thoát rốt ráo.

Tâm không khéo giải thoát: Là không từ nơi hết thấy, không đạt giải thoát rốt ráo.

Mười bốn thứ tâm như thế, nên biết đều là dấy khởi vào lúc trụ.

Dựa vào lúc trụ nơi lãnh vực các thứ ngăn che được thanh tịnh, có tám thứ tâm dấy khởi. Đó là từ tâm bị thu hẹp, tâm tán động, cho đến tâm tịch tĩnh, tâm không tịch tĩnh.

Dựa vào lúc trụ nơi lãnh vực phiền não được tịnh, có sáu thứ tâm dấy khởi. Đó là tâm định, tâm không định, cho đến tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát.

Lại nữa, đối với bên trong có các thứ ngăn che có thể tự nhận biết rõ: Ta có các thứ ngăn che. Đối với bên trong không có các thứ ngăn che, có thể tự nhận biết rõ: Ta không có các thứ ngăn che.

Như các thứ ngăn che kia chưa sanh mà sanh, cũng có thể nhận biết rõ. Như các thứ ngăn che kia sanh rồi tan diệt cũng có thể nhận biết rõ.

Nơi nhãn có kiết, cho đến nơi ý có kiết, có thể tự nhận biết rõ: Ta có nhãn kiết cho đến ta có ý kiết. Nơi nhãn không có kiết, cho đến nơi ý không có kiết, có thể tự nhận biết rõ: Nhãn của ta không có kiết, cho đến ý của ta không có kiết.

Như nhãn kiết kia cho đến ý kiết kia chưa sanh mà sanh, cũng có thể tự nhận biết rõ. Như các kiết sanh rồi tan diệt, cũng có thể nhận biết rõ.

Nơi bên trong có giác chi như niệm v.v..., có thể tự nhận biết rõ: Ta có giác chi như niệm v.v...

Nơi bên trong không có giác chi như niệm v.v..., có thể tự nhận biết rõ: Ta không có giác chi như niệm v.v...

Các giác chi như niệm v.v... chưa sanh mà sanh cũng có thể nhận biết rõ. Như sanh rồi trụ, không quên tu tập đủ, tu tập bội phần, lại tu tập tăng trưởng rộng lớn, cũng có thể nhận biết rõ.

Như giác chi niệm, các giác chi trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả, nên biết cũng vậy.

Nếu có thể nhận biết khắp đúng như thật về tự tánh, nhân duyên, lỗi lầm tai họa, cách đối trị của các pháp tạp nhiễm như thế, chính là thể của pháp niệm trụ. Như nói nơi thân trụ, tuần tự quán về thân, niệm và niệm trụ. Đối với thọ, đối với tâm, pháp, tùy chỗ ứng hợp, nên biết cũng vậy.

Thế nào là nơi nội thân cùng trụ, tuần tự nơi thân cùng quán?

Thế nào là nơi ngoại thân cùng trụ, tuần tự nơi thân cùng quán?

Thế nào là nơi thân nội ngoại cùng trụ, tuần tự nơi thân cùng quán?

Đó là, nếu duyên nơi thân sắc bên trong của tự hữu tình số làm

cảnh trụ, tuần tự quán về thân, đấy gọi là nơi nội thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi sắc bên ngoài, chẳng phải là hữu tình số làm cảnh trụ, tuần tự quán nơi thân, thì đấy gọi là nơi ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi thân sắc bên ngoài của hữu tình số khác làm cảnh trụ, tuần tự quán về thân, thì đấy gọi là nơi thân ngoại trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên dựa nơi thân sắc bên trong của tự hữu tình số, sinh khởi thọ, tâm, pháp làm cảnh trụ, tuần tự hành ba quán, thì đấy gọi là nơi thọ tâm pháp bên trong trụ, tuần tự quán về thọ, tâm, pháp.

Nếu duyên dựa nơi sắc bên ngoài không phải là hữu tình số, sinh khởi thọ, tâm, pháp làm cảnh trụ, tuần tự hành ba quán, đó gọi là nơi thọ, tâm, pháp bên ngoài trụ, tuần tự quán về thọ, tâm, pháp.

Nếu duyên dựa nơi thân sắc bên ngoài của hữu tình số khác, sinh khởi thọ, tâm, pháp làm cảnh trụ, tuần tự hành ba quán, thì đó gọi là nơi thọ, tâm, pháp bên trong ngoài an trụ, tuần tự quán về thọ, tâm, pháp.

Lại có sai biệt: Nghĩa là nếu duyên nơi các thứ sắc thuộc về căn, có nắm giữ, thọ nhận làm cảnh, thì đó gọi là nơi nội trụ thân, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi các sắc không thuộc về căn, không nắm giữ, không thọ nhận làm cảnh, thì đó gọi là nơi ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi sắc không thuộc về căn, có nắm giữ, có thọ nhận làm cảnh, thì đó gọi là nơi nội ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Như thế, nếu duyên dựa nơi thọ tâm pháp được sinh ra từ ba sắc trước làm cảnh, tùy chỗ ứng hợp, nên biết tức là trụ, tuần tự hành ba quán.

Lại có sai biệt: Nghĩa là nếu duyên nơi sắc bên trong của tự địa định, cùng hiện hành với khinh an làm cảnh, thì đó gọi là nơi nội thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi sắc bên trong của tự địa không định, cùng hiện hành với thô trọng, thì đó gọi là nơi ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi sắc khác, cùng hiện hành với khinh an, với thô trọng làm cảnh, thì đó gọi là nơi nội ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Như vậy, nếu duyên dựa nơi thọ tâm pháp được sinh ra do ba sắc

trước làm cảnh, tùy chỗ ứng hợp, nên biết tức là trụ, tuần tự hành ba quán.

Lại có sai biệt: Nghĩa là nếu duyên nơi sắc bên trong có thể tạo đại chủng làm cảnh, thì đó gọi là nơi nội thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên nơi sắc bên ngoài có thể tạo đại chủng làm cảnh, thì đó gọi là nơi ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Nếu duyên dựa nơi sắc có thể tạo đại chủng, sinh khởi các sắc tạo thuộc về căn cảnh, thì đó gọi là nơi nội ngoại thân trụ, tuần tự quán về thân.

Như thế, nếu duyên dựa nơi thọ tâm pháp được sinh ra do ba sắc trước làm cảnh, tùy chỗ ứng hợp, nên biết tức là trụ, tuần tự hành ba quán...

Các môn sai biệt nơi các loại thân thọ tâm pháp như vậy, nên biết là có nhiều thứ. Nay ở đây chỉ hiển bày phần ít về các môn sai biệt đó.

Lại nữa, vì nhằm đối trị bốn thứ điên đảo, nên Đức Thế Tôn kiến lập bốn thứ niệm trụ.

Nghĩa là nhằm đối trị điên đảo ở trong bất tịnh cho là tịnh, nên lập thân niệm trụ. Do Phật Thế Tôn, ở trong thân niệm trụ, tuần tự nêu rõ về tướng bất tịnh, ứng hợp với bốn nẻo an nhiên vắng lặng. Nếu có thể đối với điều ấy tư duy nhiều phần, nên ở nơi bất tịnh đoạn trừ điên đảo về tịnh.

Vì nhằm đối trị điên đảo ở trong các khổ cho là lạc, nên lập thọ niệm trụ. Do nơi các thọ trụ, lần lượt quán về thọ, nhận biết rõ đúng như thật về các thọ hiện có thấy đều là khổ, nên nơi các khổ đoạn trừ điên đảo về lạc.

Vì nhằm đối trị điên đảo ở trong vô thường cho là thường, nên lập tâm niệm trụ. Do có thể nhận biết rõ về vô số sai biệt của tâm tham v.v... trải qua các phần vị thời gian chốc lát, nháy mắt, sát na, ngày đêm, chẳng phải là một mà là rất nhiều, với vô số phẩm loại tâm tánh sanh diệt, nên nơi vô thường đoạn trừ điên đảo về thường.

Vì nhằm đối trị điên đảo ở trong vô ngã cho là ngã, nên lập pháp niệm trụ. Do hữu tình kia trước nay luôn có các phiền não như ngã kiến, nên cần có các pháp thiện như không hề có ngã kiến, đối nơi các uẩn sinh khởi ngã kiến, thì do nơi các pháp trụ, tuần tự quán về pháp, nhận biết rõ đúng như thật chỗ chấp về tự tướng cộng tướng của các uẩn, nên ở nơi vô ngã đoạn trừ điên đảo về ngã.

Lại có sai biệt: Nghĩa là các thế gian phần nhiều đối với các uẩn chỉ có tánh uẩn, chỉ có tánh pháp, không nhận biết như thật nên chấp

chặt có ngã, nương dựa nơi thân. Do nương nơi thân nên thọ dụng khổ, lạc. Người thọ dụng khổ lạc, do pháp, phi pháp nên có nhiễm có tịnh. Vì nhằm đoạn trừ hẳn sự ngu tối nơi chỗ dựa của ngã sở, nên lập thân niệm trụ. Vì nhằm đoạn trừ chỗ ngu tối nơi sự lãnh nhận của ngã sở, nên lập thọ niệm trụ. Vì nhằm đoạn trừ sự ngu tối nơi chấp ngã của tâm ý thức, nên lập tâm niệm trụ. Vì để đoạn trừ sự ngu tối nơi tâm chấp ngã có thể tạo nhiễm tịnh, nên lập pháp niệm trụ.

Lại có sai biệt: Nghĩa là nếu dựa vào đấy để tạo tác các nghiệp. Hoặc vì đấy nên tạo tác các nghiệp. Nếu tạo nghiệp: Hoặc do đấy nên tạo tác các nghiệp, là hiển bày chung về tất cả như vậy nên lập bốn niệm trụ. Nên biết ở đây dựa nơi thân tạo tác các nghiệp. Vì cầu thọ nhận nên tạo tác các nghiệp. Tâm có thể tạo nghiệp, do pháp thiện bất thiện, nên có thể tạo các nghiệp.

Lại có sai biệt: Tức là hoặc dựa vào đấy nên có nhiễm có tịnh. Hoặc vì đấy nên dấy khởi nhiễm, tịnh.

Nếu là nhiễm tịnh: Hoặc do đấy nên thành nhiễm thành tịnh, là hiển bày chung về tất cả như vậy nên lập bốn niệm trụ.

Nên biết trong ấy là dựa nơi thân có nhiễm có tịnh. Vì cầu đạt thọ nên dấy khởi nhiễm, tịnh.

Tâm nhiễm tịnh: Do các pháp nên thành nhiễm thành tịnh. Hỏi: Niệm trụ nghĩa là gì?

- Đáp: Nếu ở nơi ấy mà trụ niệm, hoặc do đấy mà trụ niệm, đều gọi là niệm trụ.

Nếu ở nơi ấy mà trụ niệm: Là niệm trụ của đối tượng duyên.

Do đấy mà trụ niệm: Nghĩa là, hoặc tuệ hoặc niệm thấu giữ nơi định, là niệm trụ của tự tánh. Các tâm, tâm pháp tương ứng với phần còn lại là niệm trụ của tướng tạp.

Lại do sức tăng thượng của thân thọ tâm pháp, sinh khởi đạo vô lậu, hữu lậu thiện, đều gọi là niệm trụ. Đây lại có ba thứ:

1. Do nghe tạo thành.
2. Do tư duy tạo thành.
3. Do tu tập tạo thành.

Nghe, tư duy tạo thành chỉ là hữu lậu.

Do tu tạo thành thì chung cả hữu lậu, vô lậu.

